



THÙNG XE TẢI ĐÔNG LẠNH

REFRIGERATED TRUCK BODY

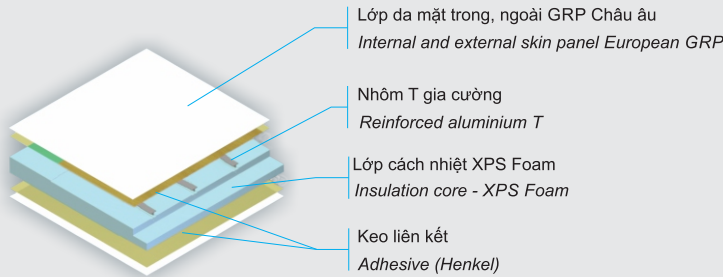
HINO XZU710L-WKFMS3

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL		ĐVT / UNIT	XZU710L	XZU710L
Loại xe / Vehicle type			Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck	Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code			HINO XZU710L-WKFMS3 -QA.DLF2S	HINO XZU710L-WKFMS3 -QA.DL1
Công thức bánh xe / Wheel formular			4 x 2	4 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions				
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm		6390 x 2120 x 3040	6390 x 2120 x 3040
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm		4600 x 2100 x 2100	4600 x 2100 x 2100
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm		4420 x 1960 x 1930	4420 x 1960 x 1930
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm		3430	3430
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm		1660 / 1480	1660 / 1480
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm		1115 / 1845	1115 / 1845
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm		1995	1995
Thông số về khối lượng / Weight				
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg		3355	3355
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg		1950	1950
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg		5500	5500
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver			3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres				
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)			7.00R16	7.00R16
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)			7.00R16	7.00R16
Thiết bị điện / Electric equipment				
Áp định mức: 24V Out put: 24V			Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình
Máy phát Alternator			24V - 60A	24V - 60A
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment				
Hệ thống lạnh Refrigerated Unit			THERMAL-2800 (ATP) (-18oC, 2515W)	THERMAL-3100 (ATP) (-20oC, 2750W)
Trang bị khác Other equipment			-	-

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL



Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor 1.5T ~ 2.5T	Sàn sóng / corrugated 1.5T ~ 2.5T
Panel sàn Floor panel	80	90
Panel vách trước Front panel	63	63
Panel vách hông Two side wall panels	63	63
Panel nóc Roof panel	78	78
Panel cửa sau Rear door panels	63	63

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV ÔTÔ QUYỀN

* Nhà máy Tây Ninh: Số 550, ấp 4, xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh
* CN Cam Ranh: Thôn Cây Xoài, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
* Tel: (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022
* Fax: (0272) 3769 023
* Phòng kinh doanh:
Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444
Email: kd01@quyenauto.com
* Tư vấn kỹ thuật:
Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317
Email: technical@quyenauto.com

